TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:30/2021/DS -ST
Ngày: 21-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về họ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Văn Bình

2. Ông Phạm Văn Nhơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Phương Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về họ (hụi)"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Hồng Thanh, sinh năm 1957 "có mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: 1. Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1967 "vắng mặt".

2. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1965 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã Q, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1956 "vắng mặt".

3.2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958 "vắng mặt".

3.3. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1962 "vắng mặt".

3.4. Bà Huỳnh Kim N (5 H), sinh năm 1963 "vắng mặt".

3.5. Bà Thái Thị T, sinh năm 1960 "vắng mặt".

3.6. Bà Đặng Thị M "vắng mặt".

3.7. Chị Hà Thị Cà P, sinh năm 1972 "vắng mặt".

3.8. Chị Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1974 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã R, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Hồng T trình bày: Vào năm 2011 đến năm 2012 bà Ngô Thị N và ông Trần Hoàng M có tham gia hụi viên nhiều dây hụi do bà có làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1, loại hụi 500.000đồng, mở ngày 09/02/2012 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2012), mỗi tháng mở một lần, dây hụi gồm có 22 phần, bà N, ông M tham gia một phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần lãnh hụi là 150.000đồng. Bà N, ông M góp hụi sống được 08 lần, đến lần thứ 9 mở hụi 170.000đồng, được số tiền 8.260.000đồng. Sau đó bà N, ông M góp được 04 lần (hụi chết) là 2.000.000đồng. Còn lại 09 lần chưa góp bằng 4.500.000đồng. Bà yêu cầu bà N, ông M trả 4.500.000đồng.

Dây hụi thứ 2, loại hụi 500.000đồng, mở ngày 10/9/2012 âm lịch (nhằm ngày 24/10/2012), mỗi tháng mở một lần, dây hụi gồm có 21 phần, bà N, ông M tham gia một phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần lãnh hụi là 150.000đồng. Bà N, ông M góp hụi sống được 05 lần, đến lần thứ 6 mở hụi 170.000đồng, được số tiền 8.410.000đồng. Sau đó bà N, ông M góp được 02 lần (hụi chết) là 1.000.000đồng. Còn lại 13 lần chưa góp bằng 6.500.000đồng. Bà yêu cầu bà N, ông M trả 6.500.000đồng.

Dây hụi thứ 3, loại hụi 1.000.000đồng, mở ngày 30/01/2011 âm lịch (nhằm ngày 04/3/2011), mỗi tháng mở một lần, gồm có 15 phần, bà N, ông M tham gia một phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần lãnh hụi là 300.000đồng. Bà N, ông M góp hụi sống được 03 lần, đến lần thứ 4 mở hụi 380.000đồng được số tiền 9.520.000đồng. Sau khi đó bà N, ông M góp được 01 lần hụi chết là 1.000.000đồng. Còn lại 10 lần chưa góp bằng 10.000.000đồng. Bà yêu cầu bà N, ông M trả 10.000.000đồng.

Dây hụi thứ 4, loại hụi 2.000.000đồng, mở ngày 20/01/2012 âm lịch (nhằm ngày 11/02/2012), hụi mùa, bốn tháng mở một lần, gồm có 17 phần, bà N, ông M tham gia một phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần hụi lãnh hụi là 300.000đồng. Bà N, ông M góp hụi sống được 04 lần. Bà sẽ trả cho bà N, ông M bằng hụi chết (có lãi) là 8.000.000đồng.

Dây hụi thứ 5, loại hụi 2.000.000đồng, mở ngày 25/01/2012 âm lịch (nhằm ngày 16/02/2012), hụi mùa bốn tháng mở một lần, gồm có 18 phần, bà N, ông M tham gia một phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần hụi hốt hụi là 150.000đồng. Bà N, ông M góp hụi sống được 03 lần. Bà sẽ trả cho bà N, ông M bằng hụi chết (có lãi) là 6.000.000đồng.

- Dây hụi thứ 6, loại hụi 5.000.000đồng, mở ngày 30/9/2012 âm lịch (nhằm ngày 13/11/2012), hụi mùa bốn tháng mở một lần, gồm có 16 phần, bà N, ông M tham gia hai phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần hụi hốt hụi là 1.500.000đồng.

+ Phần thứ nhất, bà N, ông M mở hụi lần đầu 2.200.000đồng được số tiền 37.700.000đồng. Sau khi hốt hụi bà N, ông M góp lại 02 lần hụi chết là 10.000.000đồng. Còn lại 13 lần chưa góp bằng 65.000.000đồng. Bà yêu cầu bà N, ông M trả 65.000.000đồng.

+ Phần thứ hai, bà N, ông M góp hụi sống, bà sẽ trả lại bà N, ông M số tiền 10.000.000đồng.

Như vậy khấu trừ nợ với nhau thì bà N, ông M nợ bà 62.000.000đồng. Bà yêu cầu bà N, ông M trả bà 62.000.000đồng.

Sau khi thụ lý đơn của bà T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn bà N, ông M không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà N, ông M liên đới trả bà T 62.000.000đồng.

Án phí buộc bà Ngô Thị N và ông Trần Hoàng M nộp 3.100.000đ *(ba triệu một trăm ngàn đồng).*

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Dương Hồng T khởi kiện buộc bà Ngô Thị N và ông Trần Hoàng M, địa chỉ cư trú ấp T, xã T, huyện I, tỉnh Vĩnh Long trả nợ họ (hụi). Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về họ nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn bà N, ông M được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tham gia phiên tòa Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[1.4] Về áp dụng luật nội dung: Giao dịch hụi xác lập trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật) đang thực hiện nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

Xét lời trình bày của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng T cho rằng: Vào năm 2011 và năm 2012 có làm chủ hụi các dây hụi tháng và dây hụi mùa, vợ chồng ông Trần Hoàng M và bà Ngô Thị N có tham gia hụi viên các dây hụi như nguyên đơn trình bày trên là sự việc có xảy ra. Bởi, các dây hụi mà nguyên đơn trình bày thì các hụi viên cùng tham gia chung có biết, khi tham gia mở (kêu) hụi thì ông M, bà N có đi và khi được lãnh hụi thì các hụi viên khác cũng biết.

Bà T cho rằng các dây hụi bà ông M, bà N tham gia thì có 03 dây hụi ông M, bà N đã lãnh hụi xong là dây hụi 500.000đồng mở ngày 01/3/2012; dây hụi 500.000đồng mở ngày 24/10/2012 và dây hụi 1.000.000đồng mở ngày 04/03/2011. Đối với dây hụi mùa ngày 5.000.000đồng mở ngày 13/11/2012 thì ông M, bà N có 02 phần nhưng đã lãnh hụi 01 phần. Như vậy, còn 01 phần chưa lãnh và 01 dây hụi 2.000.000đồng mở ngày 11/02/2012 và 01 dây hụi 2.000.000đồng mở ngày 16/02/2012 ông M, bà N chưa mở. Bà T yêu cầu khấu trừ các dây hụi ông M, bà N đã lãnh hụi với các dây hụi chưa lãnh hụi với nhau theo hụi có lãi mà các bên thỏa thuận khi giao dịch, còn lại 62.000.000đồng ông M, bà N có nghĩa vụ trả lại cho bà.

Xét việc giao dịch hụi giữa bà T là chủ hụi với ông M bà N là hụi viên các dây hụi trên là giao dịch hụi có lãi, trường hợp các bên vi phạm nghĩa vụ thì trách nhiệm giữa chủ hụi với hụi viên, không liên quan đến các hụi viên khác. Đối với việc ông M, bà N lãnh hụi sau đó không góp lại hụi chết cho bà T nên bà T phải góp thay. Tuy nhiên, nếu khấu trừ hụi đã lãnh và chưa lãnh thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm lãi ông M, bà N phải góp lại là không cao so với quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác, việc bà T khởi kiện ông M, bà N số tiền còn nợ là 62.000.000đồng ông M, bà N không có ý kiến hay không cung cấp chứng cứ gì để chứng M. Việc bà T khởi kiện cho rằng nợ hụi là của ông M, bà T. Ông M, bà N là vợ chồng có đăng ký kết hôn và giao dịch hụi là cả 02 người nên có căn cứ buộc

ông M, bà T có nghĩa vụ liên đới cùng trả 62.000.000đồng cho bà T là phù hợp với Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 62.000.000đồng được tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải liên đới nộp án phí dân sự: 3.100.000đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 476, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 10, 16, khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Hồng T.

Buộc ông Trần Hoàng M và bà Ngô Thị N có nghĩa vụ liên đới trả bà Dương Hồng T 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Trần Hoàng M và bà Ngô Thị N chưa trả xong số tiền trên cho bà Dương Hồng T thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngô Thị N và ông Trần Hoàng M liên đới nộp 3.100.000đ (ba triệu một trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKS nhân dân huyện T: 01;
- Đương sự: 03;
- Chi cục Thi hành án huyện T: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong